

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Văn Hiếu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 1C 67 đường Đ, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thu T1, sinh năm: 1986; địa chỉ: 118 T, T5, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 02 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Thu T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, phố Hải Phòng vào ngày 20-12-2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm và tính cách nên nhiều lần cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng. Mâu thuẫn kéo dài làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị T1 có 03 con chung là Phạm Trang A, sinh ngày 07/3/2007; Phạm Thùy A1, sinh ngày 26/10/2010 và Phạm Xuân L, sinh ngày 11/10/2015. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 con chung là Phạm Trang A và Phạm Thùy A1 cho anh nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Xuân L cho chị T1 nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Thu T1 T1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 25-11-2022 của chị T1 giao nộp cho Tòa án, trình bày như sau:

- Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng từ năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến nhiều lần to tiếng cãi nhau, đánh nhau làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau. Nay anh T có yêu cầu xin ly hôn với chị, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh T. Chị T1 đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Phạm Trang A, sinh ngày 07/3/2007; Phạm Thùy A1, sinh ngày 26/10/2010 và Phạm Xuân L, sinh ngày 11/10/2015. Ly hôn, chị đồng ý giao 02 con chung là Phạm Trang A và Phạm Thùy A1 cho anh T nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Xuân L cho chị T1 nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị và anh tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh T được ly hôn với chị T1

- Về nuôi dưỡng con:

+ Giao hai con chung Phạm Trang A, sinh ngày 07/3/2007; Phạm Thùy A1, sinh ngày 26/10/2010 cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

+ Giao con chung Phạm Xuân L sinh ngày 11/10/2015 cho chị T1 nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị T1 tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T và chị T1 không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Trần Thị Thu T1, sinh năm: 1986; địa chỉ: 118 Tay Trung Hành, Trung Hành 5, phường Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và cùng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa **anh T và chị T1** tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa **anh T và chị T1** đã trầm trọng, kéo dài. Vợ chồng hiện nay

không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau. Trên thực tế quan hệ hôn nhân giữa **anh T và chị T1** đã không còn tồn tại, không đạt được mục đích của hôn nhân; thực tế chị T1 cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa nên chị T1 đồng ý ly hôn với anh T. Tại phiên tòa, anh T và chị T1 đều vắng mặt. Điều này thể hiện anh chị không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, việc anh T yêu cầu xin ly hôn với chị T1 là có căn cứ, đúng thực tế tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, nên căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T.

[4] Về nuôi con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Phạm Trang A, sinh ngày 07/3/2007; Phạm Thùy A1, sinh ngày 26/10/2010 và Phạm Xuân L, sinh ngày 11/10/2015. Xét hiện nay anh T và chị T1 đều có nơi ở, có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo sinh hoạt đầy đủ cho các cháu. Mặt khác, cháu Trang A và cháu Thùy A1 cùng có nguyện vọng được ở với anh T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cũng như chia sẻ trách nhiệm nuôi con khi vợ chồng ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh T, giao hai con chung Phạm Trang A; Phạm Thùy A1 cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao con chung Phạm Xuân L cho chị T1 nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị T1 tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Anh T và chị T1 tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147; Điều 228; khoản 1 Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Thu T1.
2. Về nuôi con chung:

+ Giao hai con chung Phạm Trang A, sinh ngày 07/3/2007; Phạm Thùy A1, sinh ngày 26/10/2010 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Giao con chung Phạm Xuân L, sinh ngày 11/10/2015 cho chị Trần Thị Thu T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu số 0004797 ngày 03 tháng 11 năm 2022.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Thuận

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
GIAO NHẬN VĂN BẢN TỔ TỤNG CỦA TÒA ÁN

Vào hồi.....h..... ngày 12 tháng 12 năm 2022

Tại Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An.

Tôi là: Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng.

Đã giao: **Bản án hôn nhân gia đình số 48/2022/HNGĐ-ST ngày 12/12/2022**

Của Tòa án nhân dân quận Hải An, THÀNH phố Hải Phòng.

Cho Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An.

Người đã nhận trực tiếp đọc lại biên bản, nhất trí và ký tên.

Người nhận

Người giao

Nguyễn Kim Thanh

